

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K3,K4,K5,K6 ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2022**

| TT | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp    | Ngành                 | khóa | Tổng<br>tín | Điểm<br>TB | Xếp loại<br>TN | Tỷ lệ  | Đơn | ghi chú                       |
|----|------------|-----------------|--------|------------|--------|-----------------------|------|-------------|------------|----------------|--------|-----|-------------------------------|
| 1  | 0510310015 | Lê Sỹ           | Thành  | 03/06/1998 | TC5_N2 | Tài chính - Ngân hàng | 5    | 124         | 2.96       | Khá            | 5.00%  |     |                               |
| 2  | 0310210704 | Nguyễn Thị Ngọc | Hà     | 23/02/1995 | KD3E   | Kế toán               | 3    | 127         | 2.56       | Khá            | 35.43% |     |                               |
| 3  | 0410220357 | Bùi Ngọc        | Nguyên | 24/08/1998 | KC4A   | Kế toán               | 4    | 124         | 2.59       | Khá            | 0.00%  |     |                               |
| 4  | 0410210236 | Đinh Thị Ngọc   | Huyền  | 10-12-1998 | KD4A   | Kế toán               | 4    | 124         | 2.28       | TB             | 24.19% |     |                               |
| 5  | 0410110813 | Phạm Quốc       | Phong  | 16-02-1998 | TC4B   | Tài chính - Ngân hàng | 4    | 124         | 2.59       | Khá            | 7.26%  |     | TOEIC_460                     |
| 6  | 0510211276 | Nguyễn Thị Như  | Quỳnh  | 21-07-1999 | KD5C   | Kế toán               | 5    | 124         | 2.57       | Khá            | 19.35% |     | Hạn CĐR<br>TH,NN_(21/07/2022) |
| 7  | 0510211136 | Lã Quốc         | Vượng  | 09-01-1999 | KD5E   | Kế toán               | 5    | 124         | 2.43       | TB             | 5.00%  |     |                               |
| 8  | 0510121078 | Nguyễn Duy      | Anh    | 16-11-1999 | NH5A   | Tài chính - Ngân hàng | 5    | 124         | 2.50       | Khá            | 15.32% |     |                               |
| 9  | 0510120415 | Nguyễn Đức      | Thắng  | 09-09-1999 | NH5A   | Tài chính - Ngân hàng | 5    | 124         | 2.29       | TB             | 11.29% |     | CĐRNN(28/12/2020)             |
| 10 | 0610210006 | Hoàng Nhật      | Bắc    | 04-08-1996 | KD6A   | Kế toán               | 6    | 124         | 2.95       | Khá            | 4.84%  |     |                               |
| 11 | 0610210020 | Phí Thị Thúy    | Quỳnh  | 16-09-1997 | KD6A   | Kế toán               | 6    | 124         | 3.06       | Khá            | 0.00%  |     |                               |
| 12 | 0610210017 | Chu Quang       | Sỹ     | 16/08/1983 | KD6A   | Kế toán               | 6    | 124         | 3.14       | Khá            | 8.06%  |     |                               |
| 13 | 0610210082 | Nguyễn Khắc     | Cương  | 10-10-2000 | KD6B   | Kế toán               | 6    | 124         | 2.41       | TB             | 16.94% |     |                               |
| 14 | 0610211016 | Nguyễn Thu      | Hường  | 11-02-2000 | KD6B   | Kế toán               | 6    | 124         | 2.81       | Khá            | 4.03%  |     |                               |
| 15 | 0610210830 | Nguyễn Thị Ngọc | Lan    | 04-03-2000 | KD6B   | Kế toán               | 6    | 124         | 3.69       | Xuất sắc       | 0.00%  |     |                               |
| 16 | 0610211981 | Bạch Thị Ngọc   | Anh    | 27-01-2000 | KD6C   | Kế toán               | 6    | 124         | 2.87       | Khá            | 7.26%  |     |                               |
| 17 | 0510210075 | Dương Thị Bích  | Đào    | 21-04-1999 | KD6C   | Kế toán               | 6    | 124         | 2.57       | Khá            | 6.45%  |     |                               |
| 18 | 0610210972 | Nguyễn Hồng     | Hà     | 18-05-2000 | KD6C   | Kế toán               | 6    | 124         | 2.77       | Khá            | 16.13% |     |                               |

| TT | Mã SV      | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Lớp  | Ngành                 | khóa | Tổng<br>tín | Điểm<br>TB | Xếp loại<br>TN | Tỷ lệ  | Đơn | ghi chú |
|----|------------|-----------------|--------|------------|------|-----------------------|------|-------------|------------|----------------|--------|-----|---------|
| 19 | 0610210312 | Bùi Tuấn        | Thành  | 25-11-2000 | KD6C | Kế toán               | 6    | 124         | 2.77       | Khá            | 9.68%  |     |         |
| 20 | 0610210950 | Nguyễn Thị      | Chinh  | 14-07-2000 | KD6E | Kế toán               | 6    | 124         | 2.75       | Khá            | 0.00%  |     |         |
| 21 | 0610211982 | Phạm Thị Thúy   | Hằng   | 03-09-2000 | KD6E | Kế toán               | 6    | 124         | 2.55       | Khá            | 9.68%  |     |         |
| 22 | 0610211884 | Nguyễn Phương   | Thúy   | 25-10-2000 | KD6E | Kế toán               | 6    | 124         | 3.13       | Khá            | 0.00%  |     |         |
| 23 | 0610210072 | Nguyễn Thị Ngọc | Cầm    | 18-11-2000 | KD6G | Kế toán               | 6    | 124         | 2.58       | Khá            | 6.45%  |     |         |
| 24 | 0610210947 | Nguyễn Thị Hà   | Chi    | 23-01-2000 | KD6G | Kế toán               | 6    | 124         | 2.79       | Khá            | 11.29% |     |         |
| 25 | 0610210286 | Lê Thị Hoài     | Phương | 17-09-2000 | KD6G | Kế toán               | 6    | 124         | 2.52       | Khá            | 7.26%  |     |         |
| 26 | 0610210366 | Đoàn Ngọc       | Trung  | 13-11-2000 | KD6G | Kế toán               | 6    | 124         | 2.68       | Khá            | 8.06%  |     |         |
| 27 | 0610211860 | Bùi Thị Minh    | Hương  | 11-12-2000 | KD6H | Kế toán               | 6    | 124         | 2.56       | Khá            | 15.32% |     |         |
| 28 | 0610211988 | Nguyễn Văn      | Thành  | 31-07-1999 | KD6H | Kế toán               | 6    | 124         | 2.69       | Khá            | 11.29% |     |         |
| 29 | 0610211851 | An Thị Thùy     | Dung   | 30-11-2000 | KD6K | Kế toán               | 6    | 124         | 3.04       | Khá            | 4.84%  |     |         |
| 30 | 0610210114 | Dương Hải       | Hà     | 28-08-2000 | KD6K | Kế toán               | 6    | 124         | 2.61       | Khá            | 17.74% |     |         |
| 31 | 0610210271 | Cao Hồng        | Nhung  | 18-04-2000 | KD6K | Kế toán               | 6    | 124         | 2.77       | Khá            | 2.42%  |     |         |
| 32 | 0610210326 | Vũ Đình         | Thuấn  | 02-04-2000 | KD6K | Kế toán               | 6    | 124         | 2.60       | Khá            | 13.71% |     |         |
| 33 | 0610210369 | Phan Anh        | Tuấn   | 19-01-2000 | KD6K | Kế toán               | 6    | 124         | 2.93       | Khá            | 2.42%  |     |         |
| 34 | 0610230132 | Trần Quang      | Hanh   | 01/09/2000 | KT6A | Kế toán               | 6    | 128         | 3.01       | Khá            | 2.34%  |     |         |
| 35 | 0610120937 | Trần Xuân       | Bách   | 03-04-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 3.12       | Khá            | 0.00%  |     |         |
| 36 | 0610120768 | Đỗ Đức          | Dương  | 22-10-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.71       | Khá            | 38.71% |     |         |
| 37 | 0610121918 | Bùi Thanh       | Lâm    | 02-09-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.37       | TB             | 13.71% |     |         |
| 38 | 0610120787 | Lê Ngọc         | Lâm    | 05-10-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.71       | Khá            | 16.13% |     |         |
| 39 | 0610121944 | Nguyễn Tùng     | Lâm    | 23-04-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.60       | Khá            | 15.32% |     |         |
| 40 | 0610120596 | Nguyễn Thùy     | Linh   | 01-09-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.83       | Khá            | 0.00%  |     |         |

| TT | Mã SV      | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Lớp  | Ngành                 | khóa | Tổng<br>tín | Điểm<br>TB | Xếp loại<br>TN | Tỷ lệ  | Đơn          | ghi chú                          |
|----|------------|-----------------|-------|------------|------|-----------------------|------|-------------|------------|----------------|--------|--------------|----------------------------------|
| 41 | 0610120813 | Nguyễn Ngọc     | Thịnh | 12-07-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.41       | TB             | 2.42%  |              |                                  |
| 42 | 0610120817 | Đặng Thị Linh   | Trang | 31-07-2000 | NH6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 3.56       | Giỏi           | 0.00%  |              | TOEIC_615                        |
| 43 | 0610311309 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh   | 26-08-2000 | QT6A | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.82       | Khá            | 0.00%  |              |                                  |
| 44 | 0610310516 | Nguyễn Hà       | Giang | 05-09-2000 | QT6A | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.54       | Khá            | 8.87%  |              |                                  |
| 45 | 0610310606 | Trần Đình       | Long  | 20-12-2000 | QT6B | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.65       | Khá            | 11.29% |              |                                  |
| 46 | 0610311909 | Lưu Thị Thúy    | Ngân  | 30-11-2000 | QT6C | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.70       | Khá            | 8.06%  |              |                                  |
| 47 | 0610310265 | Âu Thị Thảo     | Nhi   | 08/06/2000 | QT6C | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.55       | Khá            | 12.90% |              |                                  |
| 48 | 0610311277 | Vũ Ngọc         | Thành | 18-03-2000 | QT6C | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.72       | Khá            | 4.84%  |              |                                  |
| 49 | 0610111748 | Chu Thị Thu     | Hằng  | 11-02-2000 | TC6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.50       | Khá            | 14.52% |              |                                  |
| 50 | 0610110222 | Lê Việt         | Long  | 27-02-2000 | TC6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.59       | Khá            | 6.45%  |              |                                  |
| 51 | 0610111948 | Phạm Thị Thu    | Thùy  | 22-06-1996 | TC6A | Tài chính - Ngân hàng | 6    | 124         | 2.84       | Khá            | 25.81% |              |                                  |
| 52 | 0410610568 | Đoàn Ngọc Mai   | Anh   | 14-11-1998 | KA4A | Kiểm toán             | 4    | 126         | 2.46       | TB             | 9.52%  | Chưa nộp đơn | CĐR NN<br>(21/07/2020)           |
| 53 | 0410210349 | Chu Thị         | Ngọc  | 06-03-1998 | KD4H | Kế toán               | 4    | 124         | 2.36       | TB             | 6.45%  | Chưa nộp đơn | CĐR NN<br>(21/07/2020)           |
| 54 | 0410110856 | Dương Thị Huyền | Trang | 31-08-1998 | TC4B | Tài chính - Ngân hàng | 4    | 124         | 2.53       | Khá            | 10.48% | Chưa nộp đơn | CĐRNN(28/12/2020)                |
| 55 | 0510210436 | Nguyễn Ngọc     | Huyền | 05-06-1999 | KD5A | Kế toán               | 5    | 124         | 3.09       | Khá            | 1.61%  | Chưa nộp đơn | CĐR NN<br>(21/07/2020)           |
| 56 | 0510211027 | Phạm Ngọc Quỳnh | Anh   | 09-02-1999 | KD5D | Kế toán               | 5    | 124         | 2.50       | Khá            | 4.84%  | Chưa nộp đơn | CĐR NN<br>(21/07/2020)           |
| 57 | 0510210456 | Phạm Thị        | Ánh   | 27-07-1999 | KD5G | Kế toán               | 5    | 124         | 2.64       | Khá            | 8.06%  | Chưa nộp đơn | CĐRNN(28/12/2020)                |
| 58 | 0510210032 | Lê Hà           | Anh   | 23-01-1999 | KD5K | Kế toán               | 5    | 124         | 2.51       | Khá            | 27.42% | Chưa nộp đơn | Hạn CĐR TH-NN<br>(tháng 12/2020) |
| 59 | 0510310025 | Vũ Thị Quỳnh    | An    | 21-08-1999 | QT5A | Quản trị kinh doanh   | 5    | 124         | 2.30       | TB             | 14.52% | Chưa nộp đơn | CĐR NN<br>(21/07/2020)           |
| 60 | 0510310828 | Trần Thị Diệu   | Linh  | 22-11-1999 | QT5A | Quản trị kinh doanh   | 5    | 124         | 3.27       | Giỏi           | 0.00%  | Chưa nộp đơn | CĐR NN<br>(21/07/2020)           |
| 61 | 0510110373 | Tạ Đức          | Bình  | 24-06-1998 | TC5A | Tài chính - Ngân hàng | 5    | 124         | 2.48       | TB             | 35.48% | Chưa nộp đơn |                                  |
| 62 | 0510111146 | Nguyễn Đức      | Hoàng | 02-01-1997 | TC5A | Tài chính - Ngân hàng | 5    | 124         | 2.31       | TB             | 21.77% | Chưa nộp đơn | CĐRNN(28/12/2020)                |

| TT | Mã SV      | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Lớp  | Ngành                 | khóa | Tổng<br>tín | Điểm<br>TB | Xếp loại<br>TN | Tỷ lệ  | Đơn          | ghi chú           |
|----|------------|----------------|--------|------------|------|-----------------------|------|-------------|------------|----------------|--------|--------------|-------------------|
| 63 | 0510110417 | Trịnh Văn      | Trung  | 03-07-1999 | TC5A | Tài chính - Ngân hàng | 5    | 124         | 2.11       | TB             | 14.52% | Chưa nộp đơn |                   |
| 64 | 0610210848 | Đinh Thị Thảo  | Linh   | 01-11-2000 | KD6B | Kế toán               | 6    | 124         | 2.51       | Khá            | 7.26%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 65 | 0610211584 | Vũ Thủy        | Phượng | 19-11-2000 | KD6C | Kế toán               | 6    | 124         | 2.80       | Khá            | 0.00%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 66 | 0610210030 | Đỗ Thị Ngọc    | Anh    | 30-11-2000 | KD6G | Kế toán               | 6    | 124         | 2.52       | Khá            | 11.29% | Nộp đơn hoãn |                   |
| 67 | 0610211959 | Trần Thị       | Hoài   | 20-07-2000 | KD6G | Kế toán               | 6    | 124         | 2.89       | Khá            | 7.26%  | Chưa nộp đơn | CĐRNN(28/12/2020) |
| 68 | 0610210035 | Nguyễn Hải     | Anh    | 03-01-2000 | KD6H | Kế toán               | 6    | 124         | 2.47       | TB             | 8.87%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 69 | 0610210268 | Lê Thị Quỳnh   | Như    | 06-11-2000 | KD6H | Kế toán               | 6    | 124         | 2.48       | TB             | 4.84%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 70 | 0610211169 | Nguyễn Đức     | Tuân   | 30-12-1999 | KD6H | Kế toán               | 6    | 124         | 2.58       | Khá            | 7.26%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 71 | 0610210038 | Nguyễn Thị Lan | Anh    | 19-10-2000 | KD6K | Kế toán               | 6    | 124         | 3.46       | Giỏi           | 0.00%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 72 | 0610331998 | Lê Thị         | Tươi   | 29-09-1999 | QM6A | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 3.03       | Khá            | 9.68%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 73 | 0610310501 | Thái Khắc      | Đạt    | 10-08-2000 | QT6A | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.67       | Khá            | 0.00%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 74 | 0610310904 | Vũ Anh         | Minh   | 20-10-2000 | QT6A | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.51       | Khá            | 2.42%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 75 | 0610310898 | Nguyễn Thị     | Hà     | 10-06-2000 | QT6B | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.88       | Khá            | 2.42%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 76 | 0610311575 | Đồng Thị Anh   | Phương | 04-07-2000 | QT6B | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.71       | Khá            | 8.06%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 77 | 0610310810 | Lò Thị         | Thảo   | 05-02-2000 | QT6B | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 3.33       | Khá            | 8.06%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 78 | 0610312003 | Phạm Anh       | Tú     | 13-07-1998 | QT6B | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.65       | Khá            | 8.06%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 79 | 0610810409 | Chu Việt Hoàng | Anh    | 21-06-1999 | TM6A | Kinh doanh quốc tế    | 6    | 126         | 2.79       | Khá            | 7.14%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 80 | 0610810911 | Lê Nguyễn Minh | Anh    | 30-11-2000 | TM6A | Kinh doanh quốc tế    | 6    | 126         | 3.06       | Khá            | 2.05%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 81 | 0610810418 | Nguyễn Việt    | Hùng   | 21/07/2000 | TM6A | Kinh doanh quốc tế    | 6    | 126         | 2.88       | Khá            | 4.76%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 82 | 0610811222 | Đoàn Việt      | Nhật   | 14-05-2000 | TM6A | Kinh doanh quốc tế    | 6    | 126         | 3.13       | Khá            | 1.59%  | Chưa nộp đơn |                   |
| 83 | 0610310886 | Lý Hoàng       | Long   | 09/10/2000 | QT6C | Quản trị kinh doanh   | 6    | 124         | 2.59       | Khá            | 8.06%  |              |                   |
| 84 | 0610211841 | Phạm Thị Thùy  | Trang  | 17-02-2000 | KD6G | Kế toán               | 6    | 124         | 3.15       | Khá            | 20.97% |              | Khá               |